

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Dành cho đối tượng học sinh học online)

Môn: Sinh 7

Chủ đề: Ngành giun đốt, ôn tập HKI

Tuần 9; (Từ 01/11 đến 07/11)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN ĐỐT	+Nguồn tài liệu tham khảo: SGK sinh học 7 (Sách giấy hoặc sách điện tử) https://metaisach.com/pdfviewer/sach-giao-khoa-sinh-hoc-lop-7/ +Đọc thông tin, hoàn thành các câu hỏi tuần tự cho các hoạt động +Ghi những câu hỏi dạng K-W-L vào phần cuối phiếu
Hoạt động 2: Tìm hiểu một số giun đốt khác và vai trò của ngành giun đốt	Em hãy quan sát hình và đọc thông tin trong hình  <i>Hình 17.1. Giun đỏ</i> <i>Giun đỏ thường sống thành búi ở cống rãnh. Đầu cắm xuống bùn. Thân phân đốt, luôn uốn sóng để hô hấp. Chúng thường được khai thác để nuôi cá cảnh.</i>  <i>Hình 17.2. Đỉa</i> <i>Đỉa sống kí sinh ngoài. Có giác bám (1,2) và nhiều ruột tịt để hút và chứa máu hút từ vật chủ. Đỉa bơi kiểu lượn sóng.</i>  <i>Hình 17.3. Rươi</i> <i>Rươi sống ở môi trường nước lợ. Cơ thể phân đốt và chi bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác. Rươi là thức ăn của cá và người.</i> 

Sá sung sống tự do chui rúc ở các vùng bờ ven biển . Là món ăn ngon ở nhiều địa phương và được sử dụng nhiều trong y học.



Canh sá sùng



Chả rươi



Cá ăn giun đất



Giun đất



Vắt

**Kết luận
hoạt động 2:**

Dựa vào kiến thức đã tìm hiểu ở hoạt động 1 và thông tin trong hình ở hoạt động 2, em hãy hoàn thành bảng và bài tập sau:

STT	Đại diện	Môi trường sống	Lối sống
1	Giun đất		
2	Đĩa		
3	Rươi		
4	Giun đỏ		
5	Sá sung		
	Cụm từ gợi ý	Đất ẩm, nước ngọt, nước mặn, nước lợ, lá cây, đáy cát bùn,	Tự do, chui rúc, định cư, ký sinh ngoài

Hãy tìm các đại diện của giun đốt điền vào chỗ trống cho phù hợp với ý nghĩa của chúng

+Làm thức ăn cho người.....

+Làm thức ăn cho động vật khác.....

+Làm cho đất trồng xốp, thoáng.....

+Làm màu mỡ đất trồng.....

+Làm thức ăn cho cá.....

+Có hại cho động vật và người.....

Ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

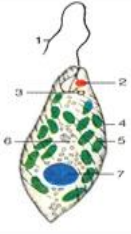
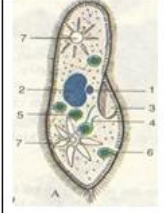
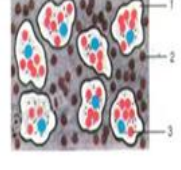
Họ tên học sinh

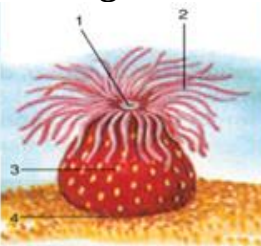
Môn học	Nội dung học tập	Know	Want	Learn
Sinh 7	Hoạt động 1			
	Hoạt động 2			

NỘI DUNG	GHI CHÚ
ÔN TẬP HKI	+Nguồn tài liệu tham khảo: SGK sinh học 7 (Sách giấy hoặc sách điện tử) https://metaisach.com/pdfviewer/sach-giao-khoa-sinh-hoc-lop-7/ +Đọc thông tin, hoàn thành các câu hỏi tuần tự cho các hoạt động +Ghi những câu hỏi dạng K-W-L vào phần cuối phiếu
Hoạt động 1: Thế giới động vật đa dạng và phong phú. Phân biệt động vật với thực vật, đặc điểm chung của động vật	Xem lại nội dung kiến thức: Thế giới động vật rất đa dạng và phong phú, được thể hiện ở: +Số lượng loài nhiều. +Số cá thể của loài nhiều. +Kích thước cơ thể đa dạng. +Môi trường sống (Dưới nước, trên cạn, trên không, trong đất) Phân biệt động vật với thực vật Giống nhau: +Đều có cấu tạo tế bào +Đều có khả năng lớn lên, sinh sản Khác nhau: +Đặc điểm dinh dưỡng +Cấu tạo thành tế bào +Khả năng di chuyển +Hệ thần kinh và giác quan Đặc điểm chung của động vật +Có khả năng di chuyển +Có hệ thần kinh và giác quan +Chủ yếu sống dị dưỡng Sơ lược phân chia giới động vật Động vật được chia thành động vật không có xương sống và động vật có xương sống. Vai trò của động vật Có lợi: +Cung cấp nguyên liệu (thực phẩm, lông, da) cho con người (HS tự cho ví dụ) +Dùng làm thí nghiệm cho: Học tập, nghiên cứu khoa học, thử nghiệm thuốc (Chuột, giun đất, ếch,...) +Hỗ trợ con người trong lao động, giải trí, thể thao, bảo vệ an ninh (HS tự cho ví dụ) +Giúp thụ phấn cho cây trồng(ong, bướm,...) Có hại: +Truyền bệnh sang người (muỗi, chuột, dơi,...) +Phá hoại mùa màng (Châu chấu, chuột,...)

Hoạt động 2:
Chủ đề:
Ngành Động
vật nguyên
sinh

Xem lại nội dung kiến thức

STT	Tên ĐV Đặc điểm	Trùng roi xanh	Trùng biến hình	Trùng giày	Trùng kiết lỵ	Trùng sốt rét
						
1	Cấu tạo và di chuyển	+ Cơ thể có 1 tế bào + Di chuyển nhờ roi	+ Cơ thể gồm 1 tế bào có: Chất nguyên sinh lỏng, nhân, không bào tiêu hoá, không bào co bóp. + Di chuyển nhờ chân giả (do chất nguyên sinh dồn về 1 phía).	+ Cơ thể có 1 tế bào + Di chuyển nhờ lông bơi	+ Có chân giả ngắn + Không có không bào.	+ Không có cơ quan di chuyển. + Không có các không bào.
2	Dinh dưỡng	+ Tự dưỡng và dị dưỡng. + Hô hấp: Trao đổi khí qua màng tế bào. + Bài tiết: Nhờ không bào co bóp.	+ Tiêu hoá nội bào. + Bài tiết: chất thừa dồn đến không bào co bóp và thải ra ngoài ở mọi vị trí.	+ Thức ăn qua miệng tới hầu tiêu hoá và biến đổi nhờ enzym. + Chất thải được đưa đến không bào co bóp và qua lỗ để thoát ra ngoài.	+ Thực hiện qua màng tế bào. + Nuốt hồng cầu.	+ Thực hiện qua màng tế bào. + Lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu.
3	Sinh sản	+ Vô tính bằng cách phân đôi theo chiều dọc.	Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể.	+ Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều ngang. + Hữu tính: bằng cách tiếp hợp.	Trong môi trường, kết bào xác, khi vào ruột người chui ra khỏi bào xác và bám vào thành ruột.	Trong tuyến nước bọt của muỗi, khi vào máu người, chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá huỷ hồng cầu.

	=> Đặc điểm chung của Ngành Động vật nguyên sinh +Có kích thước hiển vi +Cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhận mọi chức năng sống +Dinh dưỡng chủ yếu bằng cách dị dưỡng +Sinh sản vô tính Vai trò của động vật nguyên sinh <table><tr><th colspan="2">Vai trò</th><th>Tên đại diện</th></tr><tr><td>Lợi ích</td><td>Trong tự nhiên: + Làm sạch môi trường nước. + Làm thức ăn cho động vật nước: giáp xác nhỏ, cá biển.</td><td>+Trùng biến hình, trùng giày, trùng hình chuông, trùng roi. +Trùng biến hình, trùng nhày, trùng roi giáp.</td></tr><tr><td>Tác hại</td><td>+Gây bệnh cho động vật +Gây bệnh cho người</td><td>+Trùng cầu, trùng bào tử +Trùng roi máu, trùng kiết lị, trùng sốt rét.</td></tr></table>	Vai trò		Tên đại diện	Lợi ích	Trong tự nhiên: + Làm sạch môi trường nước. + Làm thức ăn cho động vật nước: giáp xác nhỏ, cá biển.	+Trùng biến hình, trùng giày, trùng hình chuông, trùng roi. +Trùng biến hình, trùng nhày, trùng roi giáp.	Tác hại	+Gây bệnh cho động vật +Gây bệnh cho người	+Trùng cầu, trùng bào tử +Trùng roi máu, trùng kiết lị, trùng sốt rét.
Vai trò		Tên đại diện								
Lợi ích	Trong tự nhiên: + Làm sạch môi trường nước. + Làm thức ăn cho động vật nước: giáp xác nhỏ, cá biển.	+Trùng biến hình, trùng giày, trùng hình chuông, trùng roi. +Trùng biến hình, trùng nhày, trùng roi giáp.								
Tác hại	+Gây bệnh cho động vật +Gây bệnh cho người	+Trùng cầu, trùng bào tử +Trùng roi máu, trùng kiết lị, trùng sốt rét.								
Hoạt động 3: Chủ đề Ngành ruột khoang	Xem lại nội dung kiến thức Các đại diện thuộc ngành ruột khoang  <u>Thủy tức</u> <u>Sứa</u> <u>Hải quỳ</u> <u>San hô</u> 1. Thủy tức Hình dạng ngoài và di chuyển Hình dạng ngoài: +Hình trụ dài +Phần dưới là đế, có tác dụng bám. +Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng. +Đối xứng toả tròn. Di chuyển: kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu Hoạt động dinh dưỡng +Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng. Quá trình tiêu hoá thực hiện ở khoang tiêu hoá +Sự trao đổi khí thực hiện qua thành cơ thể Sinh sản Các hình thức sinh sản:									

	+ Sinh sản vô tính: bằng cách mọc chồi; tái sinh + Sinh sản hữu tính: bằng cách hình thành tế bào sinh dục đực và cái. 2. Sứa +Cơ thể hình dù, có tầng keo dày giúp sứa dễ nổi +Khoang tiêu hóa hẹp, thông với lỗ miệng hướng về phía dưới +Sống bơi lội, bắt mồi bằng tua miệng 3. Hải quỳ +Cơ thể hình trụ, có nhiều tua miệng xếp đối xứng +Sống bám vào bờ đá 4. San hô +Cơ thể hình trụ, thích nghi với lối sống bám +Phát triển khung xương bất động, có tổ chức cơ thể kiểu tập đoàn *Sứa, hải quỳ, san hô là động vật ăn thịt và có các tế bào gai độc tự vệ => Đặc điểm chung của ngành ruột khoang +Cơ thể có đối xứng toả tròn. +Cách dinh dưỡng:dị dưỡng Vai trò của ngành ruột khoang Ngành ruột khoang có vai trò: Có lợi: Trong tự nhiên: +Tạo vẻ đẹp thiên nhiên +Có ý nghĩa sinh thái đối với biển Đối với đời sống: +Làm đồ trang trí, trang sức: san hô +Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi: san hô +Làm thực phẩm có giá trị: sứa +Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất. Tác hại: +Một số loài gây độc, ngứa cho người: sứa. +Tạo đá ngầm, ảnh hưởng đến giao thông.
--	--

Hoạt động 4:
Kiểm tra
đánh giá:

Hoàn thành các câu hỏi sau:

1. Thế giới động vật đa dạng và phong phú ở những khía cạnh nào?
Cho ví dụ

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nối cột sao cho phù hợp với vai trò các nhóm đối tượng động vật

1. Chuột bạch, giun đất, ếch	A. Giúp thụ phấn cho cây trồng
2. Ruồi, muỗi	B. Hỗ trợ con người trong lao động, giải trí, thể thao, bảo vệ an ninh (HS tự cho ví dụ)
3. Ong, bướm	C. Dùng làm thí nghiệm cho: Học tập, nghiên cứu khoa học, thử nghiệm thuốc
4. Châu chấu, chuột	D. Cung cấp nguyên liệu (thực phẩm, lông, da) cho con người
5. Heo, bò, gà, vịt, cá,.....	E. Cung cấp thực phẩm cho con người
6. Trâu, bò, khỉ, cá heo, chó	G. Truyền bệnh sang người
7. Cừu, gà,	H. Phá hoại mùa màng

Đáp án : 1.....; 2.....;3.....;4.....;5.....;6.....;7.....;

3. Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào là đặc điểm chung ở động vật?

1. Đặc điểm dinh dưỡng dị dưỡng
2. Có cấu tạo tế bào
3. Có cấu tạo thành tế bào
4. Có khả năng lớn lên, sinh sản
5. Có khả năng di chuyển
6. Có hệ thần kinh và giác quan

Đáp án

.....

4. Cho các đại diện sau: thủy tức, trùng roi, sứa, trùng kiết lỵ, trùng biến hình, hải quỳ, trùng sốt rét, trùng giày, san hô

Hãy xếp các đại diện trên vào đúng ngành

a. Ngành Động vật nguyên sinh

.....

b. Ngành ruột khoang

5. Nối cột A (đại diện) với cột B (đặc điểm) và cột C (Cách di chuyển) của các đại diện sao cho phù hợp

A	B	C
Trùng roi	1. +Thân hình trụ dài +Phần dưới là đế, có tác dụng bám. +Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng	A. +Không có cơ quan di chuyển Sống bám vào bờ đá
Trùng kiết lỵ	2. Cơ thể hình trụ, có nhiều tua miệng xếp đối xứng +Sống bám vào bờ đá	B. Di chuyển nhờ roi
Thủy tức	3. Không có các không bào.	C. Di chuyển theo kiểu sâu đo và kiểu lộn đầu
Sứa	4. Cơ thể có 1 tế bào	D. Co bóp dù
Hải quỳ	5. Cơ thể hình dù, có tầng keo dày giúp dễ nổi	E. Di chuyển nhờ chân giả

Đáp án:

Trùng roi - -

Trùng kiết lỵ- -

Thủy tức - -

Sứa- -

Hải quỳ - -

6. Em hãy

a. Nêu hình thức sinh sản các đại diện lần lượt: Trùng roi; trùng biến hình; trùng giầy; 2. Trùng kiết lỵ; trùng sốt rét; thủy tức;

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Trong các đại diện trên, những đại diện nào có lối sống tự do? Những đại diện nào có lối sống ký sinh? Đại diện nào vừa có hình

	thức dinh dưỡng tự dưỡng, vừa có hình thức dinh dưỡng dị dưỡng?
--	---

Ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Know	Want	Learn
Sinh 7	Hoạt động 1			
	Hoạt động 2			
	Hoạt động 3			
	Hoạt động 4			